

Số: /TTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trình Chính phủ để trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV (tháng 5 năm 2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024). Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xin kính trình Chính phủ nội dung dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

Luật Di sản văn hóa được Quốc hội khóa X thông qua tại kỳ họp thứ 9, ngày 29/6/2001, đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa của Việt Nam. Luật được sửa đổi, bổ sung một số điều tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII (ngày 18/6/2009), trong đó một số hạn chế, bất cập trong việc thực thi Luật Di sản văn hóa đã cơ bản được giải quyết, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để đẩy mạnh sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, bảo đảm giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau 20 năm Luật Di sản văn hóa được ban hành và hơn 10 năm được sửa đổi, bổ sung, sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã và đang được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm, ngày càng được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân ở khắp mọi miền đất nước. Nhờ đó, hoạt động bảo vệ và phát

huy giá trị di sản văn hóa ngày càng hiệu quả, nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng nơi có di sản hoặc nắm giữ/thực hành di sản, góp phần thu hút du lịch,... tạo thêm thế và lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương nói riêng và đất nước nói chung, với những thành tựu đáng ghi nhận: Trên cả nước, đã xếp hạng trên 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố, 3.614 di tích quốc gia và 128 di tích quốc gia đặc biệt, có trên 40.000 di tích đã được kiểm kê theo quy định của Luật Di sản văn hóa, khoảng 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 498 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận/ghi danh, bao gồm: 08 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; 15 di sản văn hóa phi vật thể (trong đó 13 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và 02 di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp); 09 di sản tư liệu (03 di sản tư liệu thế giới, 06 di sản tư liệu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương). Hệ thống bảo tàng đã phát triển từ một vài bảo tàng được xây dựng từ thời Pháp thuộc thành một hệ thống gồm 196 bảo tàng (127 bảo tàng công lập và 69 bảo tàng ngoài công lập) đang bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật - là di vật, cổ vật quý giá mang đặc trưng văn hóa của địa phương, vùng miền, quốc gia. 265 hiện vật, nhóm hiện vật đã được công nhận là bảo vật quốc gia qua 11 đợt xét duyệt.

Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi cấp bách từ thực tế đang diễn ra, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa cũng dần bộc lộ một số hạn chế, bất cập cả về nội dung và hình thức trong từng lĩnh vực, cụ thể như:

1. Một số quy định của Luật còn mang tính nguyên tắc chung chung cần quy định rõ hơn

Là Luật về lĩnh vực chuyên ngành nhưng nhiều điều khoản, quy định của luật còn mang tính nguyên tắc chung chung hoặc chưa có các điều khoản giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định và hướng dẫn cụ thể, chưa thuận lợi cho việc triển khai trong thực tiễn như:

- Quy định chi tiết về những hành vi bị cấm; về trình tự, thủ tục hủy bỏ xếp hạng, ghi danh di sản, hủy bỏ công nhận bảo vật quốc gia; thủ tục điều chỉnh khoanh vùng bảo vệ di tích; quy trình tiếp nhận giao nộp, phân chia, quản lý hiện vật, di vật, cổ vật sau khi khai quật khảo cổ; quy trình tiếp nhận, loại bỏ hiện vật ở di tích; quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích và đối tượng kiểm kê di tích; quy trình thẩm quyền cấp Bằng chứng nhận bảo vật quốc gia, chế độ đặc biệt đối với việc bảo vệ và bảo quản bảo vật quốc gia; Quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương (Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp).

- Vấn đề quản lý các di sản, mô hình quản lý di tích của các địa phương hiện nay rất đa dạng, chưa thống nhất nên khó quản lý, khó xác định trách nhiệm khi có sai phạm trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Do di sản nước ta đa dạng về loại hình, chủ sở hữu, trong khi các tổ chức được giao

quản lý, sử dụng di tích là đơn vị sự nghiệp công lập, không có chức năng quản lý nhà nước, nên bị hạn chế về nhiệm vụ thi hành pháp luật tại địa điểm bảo vệ di sản, chỉ có thể báo cáo và chuyên giao cho các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước để xử lý những trường hợp vi phạm trong lĩnh vực di sản văn hóa, dẫn tới sự chậm trễ, ảnh hưởng tới hoạt động bảo vệ di sản.

2. *Một số quy định của Luật có tính khả thi chưa cao, hoặc không còn phù hợp với thực tiễn cần sửa đổi hoặc bãi bỏ*

- Về các quy định có tính khả thi chưa cao cần nghiên cứu bãi bỏ (hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp): Quy định về quy hoạch khảo cổ; quy định đăng ký bảo vật quốc gia; quy định về cho phép, mua bán, trao đổi, tặng cho và kế thừa ở nước ngoài đối với di vật, cổ vật không thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (để tránh tình trạng "chảy máu" cổ vật và chống buôn bán trái phép di sản văn hóa theo Công ước 1970 của UNESCO).

- Về các quy định không còn phù hợp với thực tiễn cần sửa đổi, bổ sung:

+ *Trong lĩnh vực di tích:* Quy định về thăm dò khai quật khảo cổ và thăm quyền hướng dẫn, thủ tục thăm dò, khai quật khảo cổ; quy định về khu vực bảo vệ II của di tích; đối tượng kiểm kê di tích; quy định trách nhiệm quản lý, sử dụng, bảo vệ đối tượng kiểm kê di tích và bổ sung vào quy định bảo quản, tu bổ, phục hồi đối tượng này; Quy định bổ sung đối tượng các dự án khác không thuộc dự án bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, thực hiện trong và ngoài khu vực khoanh vùng bảo vệ của di tích; Quy định rõ thẩm quyền hướng dẫn trình tự, thủ tục thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ của di tích.

+ *Trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:* Quy định rõ 7 loại hình di sản văn hóa phi vật thể; quy định cấm đối với hành vi vi phạm các tập tục và can thiệp vào di sản văn hóa của cộng đồng; quy định cụ thể về nguyên tắc hoạt động, quản lý, thực hành và bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng, xã hội trong bối cảnh bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển bền vững và hội nhập; quy định rõ về phân cấp ban hành và thực hiện Chương trình hành động quốc gia, Kế hoạch hành động, các báo cáo, đề án, dự án bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào các danh sách; quy định về vai trò, sự tham gia của của cộng đồng chủ thể trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; quy định rõ hơn về chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân nắm giữ di sản, tránh tình trạng cụ thể hóa Luật, khi xây dựng chính sách chỉ tập trung cho một nhóm đối tượng nghệ nhân có danh hiệu, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nên việc triển khai trong thực tiễn không khả thi, khó áp dụng.

+ *Trong lĩnh vực quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia và bảo tàng:* Quy định phân cấp trách nhiệm cho địa phương tiếp nhận và quản lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ; quy định hướng dẫn về "chế độ đặc biệt" đối với việc bảo vệ và bảo quản bảo vật quốc gia; quy định rõ quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quy định mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; quy định về điều kiện đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước

ngoài có thời hạn để trưng bày, nghiên cứu, bảo quản (điều kiện bảo hiểm và thỏa thuận bằng văn bản từ phía tiếp nhận); quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; quy định về thẩm quyền xác nhận điều kiện thành lập bảo tàng cấp tỉnh.

3. Một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn cần được bổ sung mới trong Luật

- Luật Di sản văn hóa hiện hành chưa quy định nội dung các hoạt động, cơ chế để thu hút các nguồn lực của xã hội, huy động được sự đóng góp, tham gia của tổ chức, cá nhân trong công tác bảo vệ, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị di sản văn hóa... trong khi thực tiễn xã hội hiện đại, các địa phương tập trung khai thác, phát huy giá trị di sản trong phát triển kinh tế - xã hội nên thu hút doanh nghiệp có đóng góp cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhưng do không có cơ chế, được hưởng chính sách, ưu đãi thuế cho chi phí sản xuất, nên do lợi nhuận không cao, nhiều rủi ro khi đầu tư, khó thu hồi vốn cũng là trở ngại rất lớn trong công tác vận động, thu hút nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ. Trong khi, nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa còn rất thấp so với nhu cầu thực tế: đầu tư tu bổ di tích còn thấp nên mới chỉ thực hiện chống đỡ cục bộ chứ chưa đặt di tích ở trong tình trạng bền vững lâu dài để trở thành một sản phẩm hoàn chỉnh có sức hấp dẫn thu hút khách tham quan nên việc tạo nguồn thu tái đầu tư cho tu bổ, tôn tạo di tích còn bị hạn chế. Di sản tư liệu, di sản văn hóa phi vật thể sau khi được ghi danh chưa có đầy đủ chương trình, đề án, kế hoạch để bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Hoạt động bảo tàng chưa được quan tâm, đầu tư kinh phí để xây dựng, cải tạo trụ sở, mua sắm trang bị thiết yếu để bảo vệ, bảo quản hiện vật... Vì vậy, cần bổ sung mới các quy định trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi): về phạm vi, quyền hạn, nội dung hoạt động xã hội hóa bảo vệ di sản, cơ chế và thẩm quyền hướng dẫn thực hiện; quy định về Quỹ Bảo tồn di sản văn hóa; quy định về việc hỗ trợ cộng đồng địa phương tại địa bàn có di tích.

- Chưa có các quy định về chức năng nhiệm vụ giáo dục và ứng dụng công nghệ của bảo tàng; chuyển quyền sở hữu đối với bảo tàng ngoài công lập đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước; thẩm quyền thẩm định các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp bảo tàng, các dự án trưng bày, chỉnh lý nội dung và hình thức trưng bày bảo tàng; đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước.

- Chưa quy định thẩm quyền, hướng dẫn các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như quy định về báo cáo định kỳ tình trạng di sản và tình hình bảo vệ, phát huy giá trị di sản sau khi được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, các Danh sách của UNESCO; nội dung, cơ chế thực hiện, triển khai, tổng hợp, xử lý thông tin các Báo cáo bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể theo cam kết với UNESCO...

- Chưa quy định về đối tượng và phạm vi điều chỉnh của loại hình di sản tư liệu và các quy định liên quan đến Di sản tư liệu - là loại hình thuộc di sản văn

hóa nhưng chưa được quy định bởi bất kỳ luật nào trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Nhiều quốc gia trên thế giới quy định Di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (ví dụ: Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc). Chương trình Ký ức Thế giới do UNESCO khởi xướng từ năm 1992 nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di sản tư liệu, Việt Nam tham gia Chương trình này từ năm 2007, 15 năm là quốc gia thành viên tham gia Chương trình nhưng di sản tư liệu chưa có hành lang pháp lý để bảo vệ và phát huy giá trị. Đến nay, Việt Nam đã có 09 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức Thế giới của UNESCO ghi danh (03 Di sản tư liệu Thế giới, 06 Di sản tư liệu Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương).

Trong thời gian tới, Di sản tư liệu của Việt Nam sẽ tiếp tục được UNESCO xem xét, ghi danh cấp khu vực và thế giới và ngày càng có xu hướng gia tăng. Di sản tư liệu của Việt Nam ở các địa phương, gia đình và dòng họ... đa dạng về loại hình, tài liệu, tư liệu rất tiềm năng, cũng có di sản tư liệu có nguy cơ bị mai một, biến mất... Vì vậy, quy định mới loại hình Di sản tư liệu trong Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để điều chỉnh hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị là phù hợp và cần thiết, với các quy định: từ các khái niệm loại hình, thuật ngữ, tiêu chí nhận diện, các hoạt động kiểm kê, lập hồ sơ khoa học, quy trình ghi danh và hủy bỏ quyết định ghi danh, cho đến các biện pháp tiếp nhận quản lý, trách nhiệm hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu sau khi được ghi danh; thẩm quyền thẩm định các dự án, đề án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản tư liệu; quy định về bản sao đối với di sản tư liệu.

Do đó, việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa cùng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành là hết sức cần thiết để bắt kịp sự vận động và biến chuyển của xã hội, điều chỉnh, cụ thể hóa được những vấn đề còn vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi nhất cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của dân tộc.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1. Mục đích

Sửa đổi, hoàn thiện các quy định của pháp luật về di sản văn hóa hiện hành còn tồn tại, hạn chế, vướng mắc, chưa phù hợp với thực tiễn, từ đó đề xuất chính sách đảm bảo phân định rõ: các chính sách có tính chất kế thừa; các chính sách cần sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới trên tinh thần phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy định của Luật Di sản văn hóa với các luật khác có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa và đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, giữ gìn và phát huy được những giá trị di sản văn hóa trong đời sống xã hội.

2. Quan điểm

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về văn hóa, di sản văn hóa; đảm bảo kế thừa, sự ổn định của hệ thống pháp luật;

sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong chính sách, pháp luật đã được chỉ ra trong quá trình tổng kết thi hành Luật Di sản năm 2021.

- Bảo đảm được tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) với hệ thống pháp luật hiện hành

- Giải quyết tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong các chính sách, pháp luật có liên quan như: Luật Thuế, Thi đua khen thưởng, Xây dựng, Đầu tư...

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm soát, giám sát việc thực hiện, đảm bảo quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực di sản văn hóa.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi để bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa của dân tộc, từng bước đưa di sản văn hóa có sự đóng góp cho sự phát triển kinh tế...

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

Sau khi được Quốc hội chấp thuận (tại Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023), Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) để trình Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV (tháng 5 năm 2024), trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội Khóa XV (tháng 10 năm 2024) (tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024).

Triển khai nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch xây dựng Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) kèm theo Quyết định số 1963/QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 7 năm 2023; thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại Quyết định số 2573/QĐ-BVHTTDL ngày 31 tháng 8 năm 2023. Theo đó, Đồng chí Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Hùng làm Trưởng Ban Soạn thảo, Lãnh đạo một số Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là Thành viên.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì xây dựng Đề cương Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) và lấy ý kiến góp ý của các thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập. Sau khi tiếp thu, hoàn chỉnh Đề cương chi tiết Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiến hành xây dựng nội dung Hồ sơ dự án Luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Giấy mời số 275/GM-BVHTTDL mời họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng

dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi). Ngày 29/9/9, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Phiên họp lần thứ 1 Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại trụ sở Bộ để xin ý kiến góp ý các Thành viên.

Ngày...tháng...năm 2023, Bộ có văn bản số.../BVHTTDL-DSVH gửi Công thông tin điện tử Chính phủ đề nghị đăng tải dự thảo Luật Di sản văn hóa và dự thảo Tờ trình để lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, Bộ cũng đã đăng tải dự thảo trên Công thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 60 ngày theo quy định (thời hạn lấy ý kiến hết ngày...tháng năm 2023).

Ngày...tháng...năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản gửi các Bộ, ngành liên quan, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, các địa phương, doanh nghiệp, lấy ý kiến góp ý dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) (văn bản số /BVHTTDL-DSVH).

Tiếp đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến Thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập góp ý cho dự thảo (ngày.....); tổ chức cuộc Hội thảo tại.....để lấy ý kiến góp ý xây dựng dự thảo (Hội thảo ngày; Hội thảo tại ngày; Hội thảo tại ngày).

Ngày...tháng...năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tổ chức Phiên họp lần thứ 2 Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tại Hội trường- Hà Nội để lấy ý kiến các thành viên cho dự án này.

Các cuộc hội thảo, hội nghị nêu trên đều có sự tham gia của đại diện một số Ủy ban chuyên trách của Quốc hội, đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và Bộ, ngành liên quan; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đại diện một số hội, doanh nghiệp, chuyên gia, nhà khoa học... để xin ý kiến góp ý rộng rãi cho các nội dung của dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

Đến nay, qua tổng hợp ý kiến góp ý tại các cuộc hội thảo, hội nghị, văn bản góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân gửi về, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Hồ sơ Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Ngày...tháng ...năm 2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có văn bản gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Hồ sơ Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện Hồ sơ Dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) trước khi trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT DI SẢN VĂN HÓA (SỬA ĐỔI)

1. Bố cục

Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) bố cục gồm 10 chương 154 điều, tăng 3 chương, 81 điều so với Luật Di sản văn hóa hiện hành (7 chương 74 điều), trong đó: bỏ 1 chương về khen thưởng và xử lý vi phạm, thành 04 chương mới là "Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu (Chương V); Bảo tàng (Chương VI); Hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa (Chương VII); Chuyển đổi số trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn (Chương VIII)".

Nội dung của Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được sắp xếp, bố cục lại, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 9 điều (từ Điều 1 đến Điều 9).

Chương II. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng và cá nhân đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gồm 3 điều (từ Điều 10 đến Điều 12).

Chương III. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, gồm 24 điều (từ Điều 13 đến Điều 36).

Chương IV. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, gồm 48 điều (từ Điều 37 đến Điều 84).

Chương V. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu gồm 17 điều (từ Điều 85 đến Điều 101).

Chương VI. Bảo tàng, gồm 23 điều (từ Điều 102 đến Điều 124).

Chương VII. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa, gồm 3 điều (từ Điều 125 đến Điều 127).

Chương VIII. Chuyển đổi số trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gồm 10 điều (từ điều 128 đến 137).

Chương IX. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa, gồm 15 điều (từ Điều 138 đến 152).

Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 2 điều (Điều 153 và Điều 154).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi)

Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) tập trung vào 03 nội dung chính trong các chính sách đã được Quốc hội thông qua, bao gồm: "*Chính sách 1: Hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, đối tượng, trình tự, thủ tục kiểm kê, nhận diện, ghi danh, biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở các lĩnh vực di sản văn hóa vật thể (di tích; di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia), di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu và hoạt động bảo tàng. Chính sách 2: Nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các cơ quan trực tiếp quản lý di sản, tăng cường nội dung, trách nhiệm, cơ chế thực hiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về di sản văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Chính sách 3: Tăng cường nội dung, cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa và thu hút, nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa"*

(1) Chương I. Những quy định chung

Chương này gồm 9 điều, từ Điều 1 đến Điều 9, quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; sở hữu di sản văn hóa; nguyên tắc

quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; chính sách của nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; mục đích quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; các hành vi nghiêm cấm. Luật đã mở rộng phạm vi điều chỉnh trên cơ sở gộp Điều 1 và Điều 2 của Luật Di sản văn hóa hiện hành, bổ sung thêm "di sản tư liệu", "quản lý" để đảm bảo đầy đủ, xuyên suốt các hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hóa .

Chương này bổ sung giải thích các từ ngữ liên quan đến nội dung các quy định trong dự thảo Luật ở tất cả các lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, di tích, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, bảo tàng....

(2) Chương II. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng và cá nhân đối với hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa

Chương này gồm 3 điều, từ Điều 10 đến Điều 12, quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ chung của tất cả tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong xã hội đối với di sản văn hóa Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng và cá nhân sở hữu di sản văn hóa; Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cộng đồng và cá nhân quản lý trực tiếp di sản văn hóa.

(3) Chương III. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

Chương này gồm 24 điều, từ Điều 13 đến Điều 36, Quy định về các loại hình di sản văn hoá phi vật thể; Kiểm kê, ghi danh, truyền dạy; các biện pháp bảo vệ và phát huy di sản văn hoá phi vật thể, chính sách của Nhà nước đối với việc nghiên cứu, sưu tầm và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể. Quy định thực hiện chế độ báo cáo kiểm kê hàng năm; công bố Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể. Quy định biện pháp xử lý đối với các trường hợp di sản văn hóa phi vật thể Việt Nam sau khi được đưa vào các danh sách của UNESCO không thực hiện đúng Chương trình hành động bảo vệ di sản đã cam kết với UNESCO và quy định đưa ra khỏi Danh mục quốc gia di sản văn hóa phi vật thể. Bổ sung quy định liên quan đến loại hình Tập quán xã hội và tín ngưỡng. Quy định cụ thể về bảo vệ, phát huy di sản thuộc loại hình Ngữ văn dân gian, Tri thức dân gian, Tập quán xã hội và tín ngưỡng và Nghệ thuật trình diễn dân gian; chính sách khuyến khích việc sưu tầm, biên soạn, dịch thuật, thống kê, phân loại và lưu giữ các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng.

Bổ sung các quy định tạo điều kiện để nghệ nhân, người thực hành có thể đóng góp hơn nữa vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng thông qua các hoạt động như: tôn vinh, hỗ trợ kinh phí thực hành, mở lớp truyền dạy,... hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các nhóm, câu lạc bộ, cộng đồng thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

(4) Chương IV. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể

Mục 1: “Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh”, gồm 26 điều, từ Điều 37 đến Điều 63, trong đó, quy định rõ hơn những nội dung chủ yếu: Phân loại di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Quy định về cấp xếp

hạng di tích; Kiểm kê di tích; Tiêu chí xếp hạng di tích và các quy định về trình tự, thẩm quyền, thủ tục xếp hạng, hủy bỏ xếp hạng di tích; Lập hồ sơ để xếp hạng di tích, đề cử di sản thế giới; Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ khoa học xếp hạng di tích; quy định rõ hơn các khu vực bảo vệ di tích và việc xác định điều chỉnh các khu vực bảo vệ di tích; Bảo vệ yếu tố gốc, cảnh quan môi trường - sinh thái của di tích và thực hiện xây dựng công trình, dự án trong các khu vực bảo vệ di tích; Khu vực bảo vệ di tích kèm kê; Thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài các khu vực bảo vệ di tích; Đưa thêm, di dời, thay đổi hiện vật trong di tích; Trách nhiệm của chủ sở hữu, trực tiếp quản lý di tích; Mô hình quản lý di tích; Bổ sung mới quy định về Thẩm dò, khai quật khảo cổ; Quy hoạch khảo cổ; Thăm dò, khai quật di sản văn hóa dưới nước; Điều kiện thăm dò, khai quật khảo cổ; Quản lý, bảo vệ địa điểm khảo cổ, di vật khảo cổ và xử lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ; Quản lý di vật, cổ vật thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ; Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích...

Mục 2: Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, gồm 21 điều từ Điều 64 đến Điều 84, trong đó, quy định những nội dung như: Tiếp nhận, quản lý di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp; bổ sung mới quy định về Giám định di vật, cổ vật với các nội dung về Cơ sở giám định và Tiêu chuẩn chuyên gia giám định di vật, cổ vật; Bảo vật quốc gia với các quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, thủ tục công nhận bảo vật quốc gia, quy định về cấp bằng công nhận bảo vật quốc gia; Đăng ký di vật, cổ vật; Quản lý di vật, cổ vật; Sửa đổi bổ sung quy định về bảo vệ và phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia trong nhà truyền thống, nhà lưu niệm; Bổ sung quy định mới về Hoạt động mua bán di vật, cổ vật và hoạt động Bán đấu giá di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Bổ sung chi tiết quy định về hoạt động Bảo quản di vật, cổ vật; Đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản có thời hạn ở trong nước và nước ngoài với các quy định cụ thể hơn trong các trường hợp đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia đi nước ngoài; Bổ sung nội dung quy định về Mua và đưa di vật, cổ vật có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước bảo đảm công tác quản lý nhà nước trong việc chủ động hồi hương cổ vật có giá trị của Việt Nam từ nước ngoài về nước; Xử lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia tịch thu được do tìm kiếm, mua bán, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu trái phép; Bổ sung nội dung quy định về Chuyển giao và Thanh lý, hủy di vật, cổ vật, quy định rõ ràng hơn trong quản lý di vật, cổ vật, phù hợp với hoạt động thực tế của bảo tàng, di tích và các cơ quan quản lý di vật, cổ vật; Bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

(5) Chương V. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu

Đây là Chương mới đưa vào Dự thảo Luật để đảm bảo sự thống nhất quản lý nhà nước về di sản văn hóa, bao gồm 17 điều từ Điều 85 đến Điều 101, với các nội dung quy định về: Phân loại di sản tư liệu; Kiểm kê, Ghi danh di sản tư liệu vào Danh mục quốc gia và UNESCO; Trình tự, thủ tục, thẩm quyền quyết định đưa Di sản tư liệu đã được ghi danh ra khỏi Danh mục quốc gia và Danh mục di sản tư liệu của UNESCO. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị

di sản tư liệu sau khi được ghi danh; Bảo quản; Bản sao; Đưa di sản tư liệu sau khi được ghi danh đi trưng bày, nghiên cứu hoặc bảo quản ở trong nước, nước ngoài và từ nước ngoài về nước Quyền và trách nhiệm của các chủ sở hữu trực tiếp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu...

(6) Chương VI. Bảo tàng

Đây là chương mới, tách ra từ Mục 3 Chương IV Luật Di sản văn hóa hiện hành. Các nội dung có kế thừa và điều chỉnh, bổ sung, quy định cụ thể hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động bảo tàng bao gồm:

Mục 1: “Hệ thống bảo tàng Việt Nam và điều kiện thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, cấp giấy phép hoạt động bảo tàng, gồm 12 điều từ Điều 102 đến Điều 113 với các nội dung chủ yếu là: Hệ thống bảo tàng Việt Nam; Nhiệm vụ của bảo tàng; Điều kiện để thành lập bảo tàng; Điều kiện để cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập bảo tàng công lập và cấp phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập; Xếp hạng bảo tàng; Điều kiện, thẩm quyền, trình tự và thủ tục xếp hạng bảo tàng.

Mục 2: “Tổ chức và hoạt động bảo tàng”, gồm 10 điều từ Điều 114 đến Điều 124, với những nội dung quy định về: Tổ chức của bảo tàng; Hội đồng khoa học của bảo tàng; Hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; Quy định rõ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của bảo tàng: sưu tầm, xây dựng sưu tập, kiểm kê hiện vật, bảo quản, trưng bày hiện vật, giáo dục di sản văn hóa, truyền thông, dịch vụ tại bảo tàng; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của bảo tàng.

(7) Chương VII. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ về di sản văn hóa, gồm 3 điều, từ Điều 125 đến 127, quy định về điều kiện của cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật và cơ sở kinh doanh mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. Hoạt động mua bán di vật, cổ vật.

(8) Chương VIII. Chuyển đổi số trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, gồm 10 điều, từ điều 128 đến 137, quy định về nguyên tắc trong chuyển đổi số di sản văn hóa; các hành vi nghiêm cấm; nội dung chuyển đổi số lĩnh vực di sản văn hoá; cơ sở dữ liệu số về Di sản văn hóa Việt Nam; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa Việt Nam; bảo quản cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa Việt Nam; quản lý cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa Việt Nam; hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu; khai thác cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa Việt Nam; tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu số về Di sản văn hóa Việt Nam.

(9) Chương IX. Quản lý nhà nước về di sản văn hóa

Mục 1: “Nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước về di sản văn hoá”, gồm 5 điều, từ Điều 138 đến Điều 142, quy định cụ thể trách nhiệm quản lý nhà nước về di sản văn hóa đối với: Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bộ, ngành; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của tổ chức, cộng đồng và cá nhân; Hội đồng di sản văn hóa quốc gia.

Mục 2: “Nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá”, gồm 7 điều, từ Điều 143 đến Điều 149 quy định việc nhà nước khuyến khích hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Trách nhiệm và quyền lợi của nguồn nhân lực; Khai thác sử dụng di sản văn hoá; Hợp tác công tư trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Quỹ bảo tồn di sản văn hoá Việt Nam.

Mục 3: “Hợp tác quốc tế về di sản văn hoá”, gồm 3 điều, từ Điều 150 đến Điều 152, quy định về Hợp tác quốc tế trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Khuyến khích tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong và ngoài nước tham gia quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn; Các nội dung hợp tác quốc tế về di sản văn hoá.

(10) Chương X. Điều khoản thi hành

Điều 153 Hiệu lực thi hành và Điều 154 Áp dụng pháp luật và quy định chuyên tiếp.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã gửi lấy ý kiến nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Luật tới các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Qua tổng hợp các ý kiến đóng góp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và thấy không có nội dung cần phải xin ý kiến thành viên Chính phủ.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Kèm theo Tờ trình này gồm: (1) Dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), (2) Báo cáo kết quả rà soát Luật Di sản văn hóa với các luật có liên quan đến dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi), (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ ngành địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan; (4) Bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (6) Báo cáo lồng ghép về vấn đề bình đẳng giới; (7) Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật; (7) Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (8) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (9) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (9) Một số tài liệu liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Hoàng Đạo Cương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu : VT, DSVH, NKĐ (18).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng